

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KT-XH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND, ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Hà Quảng)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Ước Thực hiện 6 tháng 2022	Tỷ lệ %	Ghi chú
	1	2	3	4	6 =4/3	7=5/3
1	Giá trị thu nhập bình quân đầu người/năm	Triệu đồng	24			Cuối năm đánh giá
2	Thu ngân sách trên địa bàn	Triệu đồng	31.850	13.983	43,9	
3	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	32.200	20.787	64,55	
-	Giá trị sản xuất nông nghiệp/ha	Triệu đồng	38,8			Cuối năm đánh giá
+	Vùng thấp	Triệu đồng	56			Cuối năm đánh giá
+	Vùng cao	Triệu đồng	24,5			Cuối năm đánh giá
	4. Cây công nghiệp ngắn ngày:					
-	Thuốc lá:					
+	+ Diện tích	Ha	1.000	1.014,9	101,5	
+	+ Sản lượng	Tấn	2.710	2.736,5	100,96	
-	Lạc					
+	+ Diện tích	Ha	1.000	121	12,1	
+	+ Sản lượng	Tấn	1.570	146,41	9,32	
-	Gừng					
+	+ Diện tích	Ha	120	121,1	100,92	
+	+ Sản lượng	Tấn	2.040	2.179,8	106,85	
5	Tốc độ phát triển chuôn nuôi					
-	Đàn bò: tăng 2% (18.770 con, tăng 368 con so với TH 2021)	Con	18.770	18.234	97,14	Giảm 0,91% so với năm 2021 (giảm 168 con so với

						2021)
-	Đàn trâu: tăng 1,5% (11.990 con, tăng 177 con so với TH 2021)	Con	11.990	11.721	97,76	Giảm 0,78 so với năm 2021 (giảm 92 con so với năm 2021)
-	Đàn lợn: tăng 3% (50.147 con, tăng 1.461 con so với TH 2021)	Con	50.147	53.360	106,41	Tăng 9,6% so với 2021 (tăng 4.674 con so với 2021)
-	Đàn gia cầm: tăng 4% (410.901 con, tăng 15.803 con so với TH 2021)	Con	410.901	326.171	79,38	Giảm 17,45% so với 2021 (giảm 68.926 con so với 2021)
6	Xây nông thôn mới:					Cuối năm đánh giá
-	Mỗi xã đạt thêm từ 01 tiêu chí	Tiêu chí	1			
-	Phấn đấu xã Trường Hà đạt chuẩn NTM năm 2022	xã	1			
7	Số xóm có đường ô tô đến trung tâm xóm: tăng trên 1% (có thêm 01 xóm)	%	1			Cuối năm đánh giá
-	Cải tạo, nâng cấp đường huyện đến trung tâm xã tăng 14% (15 km)	%	4			
-	Tăng kiến cố hóa mặt đường đến trung tâm xóm tăng 81% (275km)					
-	Khởi công xây dựng mới 2 km đường đô thị	Km	2			
8	Duy trì, PCGD Mầm non cho trẻ em 5 tuổi; PCGD Tiểu học mức độ 3; PCGD THCS mức độ 1; xóa mù chữ mức độ 1			Duy trì		Cuối năm đánh giá
	Phấn đấu thực hiện 3 trường đạt chuẩn quốc gia (Trường Mầm non Quý Quân, Xuân	Trường	3			

	Hòa, Đa Thông)					
9	Y tế:					Cuối năm đánh giá
-	Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế 20/21 xã, thị trấn, tăng 01 xã so với TH 2021	xã	1			
-	Giảm tỷ suất sinh 0,1% trở lên	%	0,1			
10	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	0,3			Cuối năm đánh giá
11	Thực hiện nếp sống văn hóa:					Cuối năm đánh giá
-	Danh hiệu gia đình văn hóa đạt	%	85			
-	Danh hiệu làng văn hóa đạt	%	60			
-	Danh hiệu cơ quan, đơn vị, trường học văn hóa	%	95			
-	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, xây mới	nhà	10			
12	Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng 46,4% tăng 1,2% so với Th 2021	%	1,2			Cuối năm đánh giá
13	Giảm tỷ lệ hộ nghèo 5% trở lên	%	5			Cuối năm đánh giá
14	Tăng 0,1% tỷ lệ che phủ rừng so với năm trước (51% lên 51,1%)	%	51,1	51,75	101,27	
15	Đưa chuồng trại gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở	Hộ	260	50	19,23	
	Trong đó: xã Thanh Long, xã Yên Sơn di dời dứt điểm	%	100			
	Xã Lũng Năm di dời 50%	%	50			
16	Nước sinh hoạt vùng cao 48 lít/người/ngày, tăng 0,5 lít với với năm 2021	Lít/người/ngày	48	48	100	